

Quận Lê Chân, ngày 07 tháng 9 năm 2024

CÔNG KHAI CÁC ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ GIÁO DỤC
Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

		Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp				Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	T hS	ĐH	C Đ	TC	Dư ới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	T ổ t	Kh á	Đ ạ t	C Đ
	Tổng số CBGVNV	35			24	4	4	3		23	2					
I	Giáo viên	22			20	2				20	2					
1	Nhà trẻ	5			5					5			5			
2	Mẫu giáo	17			15	2				15	2		12	5		
II	Cán bộ quản lý	3			3					3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1			
2	Phó Hiệu trưởng	2			2					2			2			
III	Nhân viên															
1	Nhân viên văn thư															
2	Nhân viên kế toán	1			1											
3	Thủ quỹ															
4	Nhân viên y tế															
5	Nhân viên nuôi dưỡng	6				2	4									
6	Nhân viên khác (LC,BV)	3						3								

100% giáo viên, nhân viên đạt chuẩn trở lên. Trong đó, 18 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

Các giáo viên, nhân viên 100% hoàn thành BDTX hằng năm.

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /trẻ em
1	Tổng số phòng	18	
2	Loại phòng học	10	
	Phòng học kiên cố	09	1,4m ²
	Phòng học bán kiên cố		
	Phòng học tạm		
	Phòng học nhờ	01	1,4m ²
3	Số điểm trường	01	
4	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	346m ²	
5	Tổng diện tích sân chơi (m²)	200 m ²	1m ² /trẻ
6	Tổng diện tích một số loại phòng		
	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	50m ² /phòng	2m ² /trẻ
	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	8m ² /phòng	0,3m ²
	Diện tích hiên chơi (m ²)	40m ² /Tầng	0,5m ²
	Diện tích phòng GD thể chất (m ²)		
	Diện tích phòng GD nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	60m ²	
	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	70m ²	
7	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo qui định	330	1 bộ/1 cháu
	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi ngoài trời	15	
8	Tổng số đồ chơi ngoài trời	12	12 bộ/sân chơi
9	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi	16 máy vi tính, 2 đàn oocgan,	10 bộ vi tính + loa/10 lớp

	tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	12 tivi 55 inh, 1 tivi cảm ứng thông minh	
10	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		
	Máy chiếu	01	
	Bộ máy camera quan sát,	01	
	Bộ camera trực tuyến		
	Bàn, ghế	100 bàn, 330 ghế	
		Số lượng (m ²)	
11	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho trẻ
			Chung Nam/Nữ
	Đạt chuẩn vệ sinh*	03	10
	Chưa đạt chuẩn vệ sinh		
			Có Không
12	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
13	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
14	Kết nối internet (ADSL)	x	
15	Trang thông tin điện tử(website) của cơ sở giáo dục	x	
16	Tường rào xây	x	

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.

Nơi nhận:

- Thông báo;
- Website của trường;
- Lưu VT

**TM. NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**



Trần Thị Thu Thủy